

Bản án số: 07/2019/DS-PT

Ngày: 26 - 3 - 2019

V/v: Tranh chấp Quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03 /2019 /TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1951

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1951 (là chồng bà Hân). Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2016 và 22/3/2019.

3.2. Chị Đặng Thị C, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Đặng Thị C: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1976 (là chồng chị Chiên). Văn bản ủy quyền ngày 30-10-2017.

3.3. Bà Lê Thị T (P), sinh năm 1949 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

3. 4. Nguyễn Thị K, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình .

3.5. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

3.6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị K, chị C và chị H đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án).

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Cao Văn S, sinh năm 1945 (vắng mặt)

4.2. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1959 (vắng mặt)

4.3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1938 (vắng mặt)

4.4. Bà Cao Thị G, sinh năm 1932 (vắng mặt)

4.5. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1955 (vắng mặt)

4.6. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1945 (vắng mặt)

4.7. Ông Cao Văn B, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình T trả lại ông 20m² đất (bản tự khai ngày 23-11-2018 ông yêu cầu 26,1m², tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu 37m²) và trình bày:

Vợ chồng ông có 01 cái ao Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình, nguồn gốc ao là do bố mẹ ông để lại thừa kế cho ông. Theo đo đạc bản đồ 299 năm 1986 diện tích ao là 504 m² thuộc sổ thừa 160 mang tên ông Hoàng Văn T. Vị trí đất ao phía đông giáp một phần ngõ đi chung và đất nhà bà G, phía nam giáp ao và đất nhà bà L, phía tây giáp ao nhà bà H và ao nhà bà Lê Thị T, phía bắc giáp ngõ xóm. Ao của nhà ông có một phần đất nối tiếp giáp ngõ xóm, trước kia ông có làm 03 gian nhà, sau này trồng cây, gần đây không sử dụng nuôi trồng nữa; Ranh

giới giữa ao nhà ông và ao nhà bà T là 01 bờ cõn của gia đình nhà bà T, bờ cõn này không tiếp giáp với ngõ xóm mà tiếp giáp với phần đất nổi của nhà ông. Năm 2004, anh T (con trai bà Lê Thị T) lấp ao làm nhà sau đó có xây tường bao, anh T đã xây tường sang đất của nhà ông, ông trực tiếp báo với ông Nguyễn Văn K là bí thư chi bộ, trưởng ban hòa giải thôn Q thời kỳ đó. Ông K đã đến thực địa để xem xét và có ý kiến “Anh T đã mua vật liệu và mượn thợ để xây nên cứ để cho anh T xây nếu sau này giải quyết anh T xây sai thì anh T phải tháo dỡ” nên ông để cho anh T xây. Đến năm 2005 ông đề nghị chính quyền thôn giải quyết nhưng không thành, đến năm 2007, sau khi có kết quả đo đạc, ông thấy diện tích ao nhà ông chỉ còn 477,9 m², thiếu so với số liệu của bản đồ 299 là 26,1 m², diện tích ao nhà anh T thừa ra 65 m², những hộ giáp ranh ao nhà ông gồm nhà bà H, bà L và bà G khi các hộ này xây tường bao đều báo cho ông để thống nhất mốc cõi, không có tranh chấp, riêng nhà anh T xây không báo cho ông để thống nhất mốc cõi. Ông xác định phần diện tích ao nhà ông giảm là do gia đình anh T đã xây tường lấn sang phần đất ao nhà ông. Ông đã có đơn đề nghị và Ủy ban nhân dân xã H đã nhiều lần tiến hành hòa giải, kết luận: Anh T trả cho gia đình ông 20m² đất ao, ông nhất trí với ý kiến của UBND xã. Do thời gian đã lâu nên ông không chỉ được chính xác mốc giới, kích thước phần đất mà gia đình anh T, bà Lê Thị T đã lấn chiếm. Tại phiên tòa sơ thẩm ông xác định phần đất anh T đã lấn sang đất nhà ông chiều ngang là 3,35m, chiều dài khoảng 5m đến 6m.

Nguyên đơn trình bày các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Số liệu đo đạc thửa đất ao nhà ông thay đổi giảm đi qua các thời kỳ, từ số liệu bản đồ 299 đến số liệu bản đồ năm 2005 và số liệu Tòa án huyện Hưng Hà đo năm 2018; Biên bản hòa giải ngày 06-11-2008 và ngày 04-8-2009 của UBND xã H đã kết luận và anh T đã nhận trách nhiệm trả cho gia đình nhà ông 20m² đất ao; Người làm chứng là ông Nguyễn Văn K; ông Hoàng Văn N chứng kiến việc anh T xây tường bao lấn đất ao nhà ông.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày: Khoảng năm 1977, 1978 bố mẹ anh là ông Nguyễn Đình P, bà Lê Thị T mua của ông Cao Văn S 01 cái ao tại thôn Q, xã H, huyện H tỉnh Thái Bình, khi mua hai bên không đo cụ thể diện tích, không lập văn bản giấy tờ. Giáp ranh ao nhà anh và ao nhà ông T là bờ cõn của gia đình anh, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng từ 02m đến 03m, chiều dài khoảng hơn 10m chạy dài từ giáp ao nhà bà H đến ngõ xóm. Theo số liệu bản đồ 299 tại số thửa 261, diện tích ao là 232m², khi đo theo 299 không đo bờ cõn của gia đình nhà anh. Diện tích ao nhà anh (tính cả bờ cõn) phía bắc giáp ngõ xóm, phía đông giáp ao nhà ông T, phía tây giáp đường liên thôn, phía nam giáp đất nhà bà H. Bố mẹ anh cho vợ chồng anh ra ở giữ đất, chưa sang tên cho anh theo quy định của pháp luật. Khoảng năm 2003, vợ chồng anh lấp ao và sau đó xây dựng nhà và công trình phụ trên đất. Đến khoảng năm 2005, vợ chồng anh xây tường bao (đoạn từ đầu ngõ xóm đến đầu ao nhà ông T) thì ông T không cho xây và cho rằng anh xây sang đất nhà ông T nên ông T báo ông K là bí thư chi bộ lúc đó đã đến hiện trường để giải quyết, vì thấy gia đình anh xây

đúng đất nên chính quyền thôn cho gia đình anh tiếp tục xây, ông T cũng không có ý kiến gì nữa (đoạn xây này dài khoảng 3m). Sau một thời gian, gia đình ông T tát ao hút bùn, gia đình anh sợ lở đất nên đã xây tường bao để giữ đất (đoạn từ giáp nhà bà H đến đoạn tường đã xây, khi xây ông T và con trai mang cọc tre ra đóng để giữ mốc, gia đình anh đã xẻ bờ cùn ra xây (đoạn tường xây này dài khoảng 7m). Anh khẳng định việc gia đình anh xây tường để giữ đất chứ không xây lấn sang đất ao nhà ông T. Diện tích đất nhà anh khi đo đạc năm 2005 tăng lên so với số liệu đo đạc bản đồ 299 là vì khi đo đạc bản đồ 299 là đo thủ công, hình thể đất ao lồi lõm, khi đo đạc gia đình nhà anh không có mặt nên không có ai chỉ mốc nên đoàn đo đạc không đo diện tích bờ cùn, chỉ đo diện tích ao. Khi đo đạc năm 2005 là đo bằng máy và đo cả bờ cùn nên diện tích đất nhà anh tăng lên. Tại buổi hòa giải ở xã H, khi đó anh đang làm bí thư chi bộ thôn nên để giữ ổn định tình hình chính trị địa phương và được UBND xã động viên nên anh nhận là trong lúc nóng anh có lời nói không phải đối với ông T thì anh có lời xin lỗi ông T chứ không phải vì anh xây lấn sang đất ao nhà ông T. Anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Bà Lê Thị T (mẹ đẻ của anh T) nhất trí với trình bày của anh Nguyễn Đình T, và bổ sung: Đầu ao nhà ông T phía giáp ngõ xóm có một phần đất nổi, tuy nhiên trong quá trình sử dụng, gia đình ông T đã đào đất để đôn lấp vào thổ đất phía trong, nên phần đất nổi đó hiện nay chỉ còn một phần rất nhỏ gia đình nhà ông T đang sử dụng trồng rau giáp với đường xóm, khi anh T ra đất của bà để làm nhà ở thì khu đất nổi nhà ông T đã không còn như trước nữa. Bà T khẳng định gia đình bà khi xây tường không xây lấn sang ao và đất nhà ông T. Bà T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Chị Nguyễn Thị H (con riêng của ông Nguyễn Đình P), chị Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị C (con chung của ông Nguyễn Đình P và bà Lê Thị T) đều trình bày về nguồn gốc đất ao và kích thước, vị trí bờ cùn mà anh T đang sử dụng tại thôn Q, xã H, huyện H như anh T đã khai. Các chị không yêu cầu Tòa án chia thừa kế của bố đẻ, không có tranh chấp gì về diện tích đất anh T đang sử dụng, việc cho diện tích đất trên cho anh T hay không do bà T quyết định. Việc ông T khởi kiện anh T đòi đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng cung cấp:

Ông Nguyễn Văn K (nguyên bí thư chi bộ thôn Q), ông Hoàng Văn D (nguyên trưởng thôn Q) cung cấp: Khoảng năm 2004, ông T báo cáo về việc gia đình anh T xây bờ tường lấn sang ao nhà ông T nên đã xuống thực địa xem xét thì thấy gia đình nhà ông T tát ao, lấy bùn phụt vào nhà trong, anh T xây ôm bờ cùn để giữ đất không cho đất lở xuống ao nhà ông T, không có việc anh T xây lấn sang đất nhà ông T. Ông D còn cung cấp trong quá trình xây tường, anh T phải phạt bờ cùn để xây chứ không xây xuống ao nhà ông T.

Ông Cao Văn S cung cấp: Vào khoảng trước năm 1980, ông chuyển nhượng một cái ao tại thôn Q, xã H, huyện H cho gia đình bà T, khi chuyển

nhượng không đo cụ thể diện tích, không lập văn bản giấy tờ. Ao có phía bắc giáp ngõ xóm, phía đông giáp bờ cồn nhà bà T, phía nam giáp ao nhà bà H, phía tây giáp với đường thôn. Bờ cồn nhà bà T có chiều rộng khoảng hơn 3m, chiều dài kéo từ đường chạy vào đến ao nhà bà H, phía ngoài rộng, kéo vào hẹp dần, phía đông bờ cồn giáp ao nhà ông T.

Bà Cao Thị G cung cấp: Nhà ông T có 01 cái ao, bên cạnh ao nhà ông T có là bờ cồn của nhà bà T, cồn này trước đây người ta trồng chuối và đầu bờ cồn còn có 01 chuồng trâu và khóm tre, bờ cồn nằm giữa ao nhà ông T và ao nhà ông S (sau này ông S bán ao cho bà T), ao này được lấp thành thổ, anh T đang sử dụng.

Bà Phạm Thị H cung cấp: Giữa ao nhà ông T và ao nhà ông S có 01 bờ cồn của nhà bà T nên bà T mua ao nhà ông S sau đó vợ chồng anh T lấp ao và xây nhà trên đất. Bờ cồn nhà bà T có chiều rộng khoảng từ 2m đến 3m, chiều dài chạy từ đầu đường xóm đến đất nhà bà H. Khi vợ chồng anh T xây tường để ngăn cách giữa ao nhà ông T với đất nhà anh T thì ông T không cho anh T xây từ lòng ao xây lên, anh T phải xẻ đất bờ cồn để xây tường ngăn.

Ông Hoàng Văn N cung cấp: Văn bản ghi tên người viết Hoàng Văn N do ông Hoàng Văn T nộp cho Tòa án không phải là do ông viết và ký. Tại biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất đai của UBND xã H ngày 04/8/2009, thể hiện ý kiến của ông N: “Gia đình tôi trước đó có nhờ diện tích đó để chăn nuôi cho nên tôi hiểu rất rõ khu đất đó... có nhiều người liên quan và biết đến việc này. Khi gia đình anh T xây móng chúng tôi ra nói chuyện với anh T nhưng anh T phớt lờ bỏ yêu cầu của xóm, nên xóm phải chịu, đề nghị dựa vào đo đạc để thừa thiếu kết luận đúng sai và xử lý cho đúng”.

*** Bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đã quyết định:**

Căn cứ Điều 147, Điều 157 và Điều 165, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật dân sự; Điều 99, Điều 203 của luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T đòi anh Nguyễn Đình T trả lại ông quyền sử dụng diện tích 37 m² đất hiện đang do hộ gia đình anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Ch đang sử dụng theo đo đạc năm 2018, tại số thửa 745, tờ bản đồ địa chính số 26, diện tích 297,6 m² tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông Thái đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo biên lai số 0004836 ngày 21-7-2017 thành tiền án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Ông T phải chịu 3.036.000đồng (Ba triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng) chi phí tố tụng mà ông T đã tạm ứng chi phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

*** Ngày 12/12/2018, ông Hoàng Văn T kháng cáo** toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ông Hoàng Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T trình bày phần bờ cồn của gia đình bà T là bờ cụt, không tiếp giáp với ngõ xóm mà ngăn cách bởi phần đất nổi nhà ông. Khi anh T xây tường bao lần thứ nhất vào năm 2004 đã lấn chiếm phần đất nổi đó của nhà ông. Ông T cung cấp bổ sung chứng cứ là “Giấy xác nhận” đề tên người viết là Cao Thị V, sinh năm 1926, cư trú tại thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình, có nội dung xác nhận phần đất nổi tiếp giáp giữa ao nhà ông T và ngõ đi nay không còn vuông vắn, dài rộng như xưa. Ông T yêu cầu anh T trả lại 20m² đất có kích thước: phía bắc giáp ngõ xóm dài 2m, phía nam giáp đất anh T dài từ 2m đến 3m, phía tây giáp đất anh T dài 7m, phía đông giáp đất ông T dài 5,7m.

- Anh Nguyễn Đình T, bà Lê Thị T giữ nguyên quan điểm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T và trình bày: Gia đình anh T xây tường làm hai giai đoạn, giai đoạn một vào năm 2003 – 2004, xây tường ngăn cách giữa đất ao nhà ông T với đất nhà anh T bà T, đoạn từ ngõ xóm vào, dài khoảng hơn 3m, khi đó ông T có ra tranh chấp và đã mời ông K, ông D đến giải quyết, các ông đó có đến và thấy anh T xây đúng mốc giới đất nên để cho anh T tiếp tục xây, ông T cũng không có ý kiến gì nữa. Khoảng năm 2006 khi ông T thuê máy hút bùn ao, anh T đã mời ông K, ông D đến chứng kiến anh T và ông T phân định mốc giới để anh xây đoạn tường ngăn cách giữa đất nhà anh T và đất ao nhà ông T cho đất khỏi lở xuống ao, ông T cùng con trai đã cắm mốc giới bằng cọc tre, anh T đã xẻ đất bờ cồn để xây tường chứ không xây xuống ao nhà ông T. Đối với văn bản của bà Cao Thị V, anh T, bà T cho rằng bà V không biết việc ông T đã đào đất nổi của nhà ông T để đắp vào phần đất phía trong, vì vậy không chấp nhận đó là chứng cứ chứng minh anh T xây lấn đất nhà ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/12/2018, ông Hoàng Văn T làm đơn kháng cáo và gửi đơn đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T đã thực hiện nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy kháng cáo của ông T là hợp lệ, được đưa ra xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại nguyên đơn quyền sử dụng diện tích 20m² đất hiện đang do bị đơn sử dụng tại thửa đất có số thửa 745, tờ bản đồ địa chính số 26 tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Như vậy, cần xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[3] Về nguồn gốc đất ao đang tranh chấp:

Theo tài liệu đo đạc bản đồ 299, thửa đất số 160 diện tích 504m² đất ao mang tên ông Hoàng Văn T, nguồn gốc do bố mẹ ông T để lại thừa kế cho ông T, phía Tây thửa đất đó giáp ao nhà bà H và bờ còn nhà bà T; Thửa số 161 diện tích 232m² đất ao mang tên bà Lê Thị T, nguồn gốc do vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Đình P mua của ông Cao Văn S, có phía đông giáp bờ còn nhà bà T. Khi bà T cho vợ chồng anh T đôn lấp đất ao, hòa với bờ còn thành một thửa đất, xây dựng công trình để ở riêng, bà T chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T theo quy định của pháp luật.

Theo tài liệu đo đạc năm 2005, diện tích đất ao mang tên ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị H là thửa số 23, tờ bản đồ số 35 diện tích 477,9m², thửa đất số 74, tờ bản đồ số 26 diện tích là 297,6m² mang tên anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị C.

[4]. Xét các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T cho rằng chứng cứ chứng minh anh T lấn chiếm đất nhà ông T thể hiện tại 4 chứng cứ cơ bản:

[4.1] Chứng cứ về việc số liệu diện tích các thửa đất của hai gia đình thay đổi qua các thời kỳ đo đạc, đất nhà ông T giảm đi, đất nhà anh T tăng lên: Tuy nhiên, tại đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình đã cung cấp: Bà T có quyền sử dụng hợp pháp một bờ còn có chiều rộng khoảng 2-3m, chiều dài khoảng 10m, nằm giáp giữa ao nhà ông T với ao nhà bà T mua của ông S. Về số liệu đo đạc năm 2005 so với số liệu bản đồ 299 diện tích thửa đất nhà ông T (giảm đi) và thửa đất nhà bà T (anh T) tăng lên, nguyên nhân do: Khi đo đạc bản đồ 299 đo bằng phương pháp thủ công nên độ chính xác không cao, khi đo không đo diện tích bờ còn nhà bà T (vì sổ mục kê theo bản đồ 299 chỉ ghi thửa đất ông P nhận chuyển nhượng của ông S có diện tích là 232m², không ghi bờ còn bà T nhận chuyển nhượng của ông M, như vậy số liệu bản đồ 299 không thể hiện diện tích bờ còn của nhà ông P bà T mua của ông M), quá trình đo

đã đo cách mép đường giao thông khoảng 1m để phòng khi mở rộng đường ngõ. Năm 2005, đo đạc bằng phương pháp kỹ thuật điện tử nên độ chính xác cao hơn; đã đo cả diện tích bờ còn vào đất bà T; ngõ xóm đã ổn định nên không để cách ra 1m nữa. Mặt khác, gia đình bà T đã kê khai, sử dụng 01 cồn đất ở góc phía Tây Bắc của thửa đất giáp ngã ba đường, diện tích khoảng 15-20m² nên đã đo cả vào diện tích thửa đất số 745 của anh T đang sử dụng. Vì vậy diện tích thửa đất nhà bà T tại thửa số 745 bản đồ 2005 tăng so với diện tích thửa đất số 161 bản đồ 299 trước đây.

[4.2] Về hình thể 2 thửa đất: UBND xã H, huyện H cung cấp: Khi đo đạc bản đồ 299, ranh giới giữa các thửa đất số 160, 161 chủ yếu là cây cối, bờ bụi, lại đo bằng phương pháp thủ công nên hình thể không được thể hiện chính xác; Mặt khác tỷ lệ bản đồ 299 là 1/2000, vì vậy bản đồ không thể hiện được đầy đủ các đoạn gấp khúc, lồi lõm giáp ranh giữa hai thửa đất, mà thể hiện là một đường thẳng. UBND xã xác định trên thực tế, hình thể của hai thửa đất theo bản đồ 299 vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có biến động.

[4.3] Về việc ông T cho rằng khi UBND xã H hòa giải tranh chấp đất đai giữa hai gia đình, đã kết luận và anh T đã nhận trách nhiệm trả cho gia đình nhà ông 20m² đất ao: Khi làm việc với Tòa án cấp phúc thẩm, UBND xã cung cấp: Thời điểm hòa giải tranh chấp đất đai, UBND xã chỉ hòa giải, khuyến khích trên tinh thần người thừa đất hỗ trợ cho người thiếu đất để giữ gìn đoàn kết giữa các gia đình, chứ không có căn cứ gì xác định anh T đã xây tường lấn sang đất nhà ông T.

[4.4] Người làm chứng là ông Nguyễn Văn K, ông Hoàng Văn D, bà Phạm Thị H, ông Cao Văn B đều cung cấp: Khi anh T xây dựng tường bao ngăn cách giữa thửa đất anh đang sử dụng và thửa đất ao nhà ông T, anh T đã xẻ bờ còn ra để xây tường, không lấn chiếm đất ao nhà ông T. Ông Hoàng Văn N có nêu ý kiến tại buổi hòa giải do UBND xã H tổ chức ngày 04/8/2009, nhưng nội dung chung chung, không xác định ranh giới, mốc giới hai thửa đất và vị trí, kích thước phần đất anh T lấn chiếm của ông T, mà “đề nghị dựa vào đo đạc để thừa thiếu kết luận đúng sai và xử lý cho đúng”, vì vậy không phải là chứng cứ chứng minh anh T lấn chiếm đất nhà ông T.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, các chứng cứ ông T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T khẳng định: Bờ còn nhà T là bờ cụt, phía nam tiếp giáp ao nhà bà H, phía bắc giáp phần đất nổi nhà ông T, chứ không tiếp giáp ngõ xóm, anh T đã xây tường bao lấn chiếm phần đất nổi đó của nhà ông có diện tích 20m²: Xét thấy lời trình bày này của ông T là không có cơ sở, vì nếu bờ còn nhà T là bờ cụt thì khi bà T chưa mua ao của ông S, bờ còn nhà bà T 4 phía đều tiếp giáp với đất thuộc quyền sử dụng của người khác, không có lối đi

vào bờ cồn, điều đó là không phù hợp thực tế. Mặt khác những người làm chứng là bà Phạm Thị H, ông Cao Văn S, bà Cao Thị G và UBND xã H đều khẳng định bờ cồn nhà bà T có phía bắc giáp đường giao thông. Như vậy, không có cơ sở để khẳng định anh T đã lấn chiếm phần đất ao của ông T như ông T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

Về giấy xác nhận ghi tên người viết là bà Cao Thị V do ông T nộp tại phiên tòa phúc thẩm có nội dung phần đất nổi của nhà ông T không còn vuông vắn và dài rộng như trước đây: Xét thấy bà V không xác nhận lý do của sự thay đổi phần đất nổi của nhà ông T là do anh T xây tường lấn đất làm thay đổi diện tích, kích thước phần đất đó; Bà T anh T trình bày do ông T đào đất nổi đó để đôn lấp vào thổ đất phía sau nên diện tích phần đất nổi đó của gia đình ông T giảm đi. Vì vậy, giấy xác nhận đề tên người viết là Cao Thị V không phải là chứng cứ chứng minh anh T xây tường lấn đất nhà ông T.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình:

Căn cứ Điều 147, Điều 157 và Điều 165, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật dân sự; Điều 99, Điều 203 của luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T yêu cầu anh Nguyễn Đình T trả lại ông quyền sử dụng diện tích 37 m² đất hiện đang do hộ gia đình ông Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị C đang sử dụng theo đo đạc năm 2018, tại số thửa 745, tờ bản đồ địa chính số 26, diện tích 297,6 m² tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

[2] Về án phí: ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo biên lai số 0004836 ngày 21-7-2017 thành tiền án phí.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông T phải chịu 3.036.000đồng (Ba triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng) chi phí tố tụng mà ông T đã tạm ứng chi phí.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005310 ngày 12/12/2018 sang thi hành tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/3/2019.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Tòa án, Viện kiểm sát, Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XÉT PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình